

Số: 1492/TB-BVĐK

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 12 năm 2018

**THÔNG BÁO**

**Chào giá sửa chữa máy giặt GIRBAU MODEL HS 6057  
của Bệnh viện đa khoa Quảng Ngãi**

Bệnh viện đa khoa Quảng Ngãi có nhu cầu sửa chữa máy giặt GIRBAU MODEL HS 6057 bị hỏng bộ biến tần.

Yêu cầu:

- Máy giặt GIRBAU MODEL HS 6057 sau khi được sửa chữa phải đảm bảo các tính năng kỹ thuật theo yêu cầu của chuyên môn và bảo hành 06 tháng Kể từ ngày bàn giao nghiệm thu.

- Thời hạn sửa chữa: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký.

- Phương thức chuyển giao: Linh kiện thay thế được giao và lắp đặt tại Bệnh viện đa khoa Quảng Ngãi, chi phí vận chuyển, lắp đặt do bên cung cấp chịu.

- Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản một lần trong vòng trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao hàng, ký biên bản nghiệm thu và giao hoá đơn, chứng từ bán hàng hợp pháp.

Báo giá được niêm phong và gửi đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, Đường Lê Hữu Trác, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, bằng cách trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện nhưng phải đảm bảo Bệnh viện đa khoa Quảng Ngãi nhận được trước ngày 08/01/2018. Nhà cung cấp có thể tìm hiểu thông tin chi tiết tại Phòng vật tư trang thiết bị y tế, Bệnh viện đa khoa Quảng Ngãi, số điện thoại: 0255 3827828.

**Nơi nhận:**

- Trang Website Bệnh viện;
- Phòng TC-KT;
- Lưu: VT, VTTBYT.

**GIÁM ĐỐC**

*(đã ký)*

**Phạm Ngọc Lân**

**DANH MỤC VẬT TƯ**  
**(Kèm theo Thông báo số ... .. /TB-BVĐK ngày... /11/2018**  
**của Bệnh viện đa khoa Quảng Ngãi)**

**MODEL: CF-Q150, SERIAL: 2501649**

| STT | MÃ SỐ    | CHI TIẾT HÀNG HÓA                                     | SỐ LƯỢNG | GHI CHÚ |
|-----|----------|-------------------------------------------------------|----------|---------|
| 1   | GN185100 | DISTAL END UNIT<br><i>Đầu ống soi</i>                 | 1        |         |
| 2   | GN025300 | CONNECTING TUBE UNIT<br><i>Thân ống soi</i>           | 1        |         |
| 3   | GJ636200 | BENDING-TUBE UNIT<br><i>Bộ phận uốn cong</i>          | 1        |         |
| 4   | GJ653400 | LG BUNDLE UNIT<br><i>Dây dẫn sáng</i>                 | 1        |         |
| 5   | GN182200 | EL CONNECTOR QC UNIT<br><i>Bộ phận kết nối điện</i>   | 1        |         |
| 6   | GJ525500 | UD-KNOB UNIT<br><i>Bộ phận điều khiển lên / xuống</i> | 1        |         |
| 7   | GL719700 | RL-KNOB UNIT<br><i>Bộ phận điều khiển phải / trái</i> | 1        |         |
| 8   | GJ650900 | PROTECTOR UNIT<br><i>Bộ phận bảo vệ thân ống soi</i>  | 1        |         |
| 9   | GL073200 | S-COVER UNIT<br><i>Nắp đậy bộ phận điều khiển</i>     | 1        |         |
| 10  | GR473900 | A-RUBBER<br><i>Vỏ cao su di động</i>                  | 1        |         |
| 11  | GL990000 | CCD-FPC<br><i>Bảng mạch hàn dây chip thu hình</i>     | 1        |         |
| 12  | GL886600 | NOZZLE UNIT<br><i>Vòi phun khí nước</i>               | 1        |         |
| 13  | GS244900 | C-COVER PIN<br><i>Chốt giữ nắp che đầu ống soi</i>    | 3        |         |
| 14  | GE479100 | C-COVER<br><i>Nắp đậy đầu ống soi</i>                 | 1        |         |
| 15  | GR517400 | WIRE STOPPER-5CF<br><i>Chốt giữ dây điều khiển</i>    | 4        |         |
| 16  |          | Small Parts<br><i>Các phụ kiện kèm theo</i>           | 1        |         |

